MARUICHI SUN STEEL
JOINT STOCK COMPANY

EVERYWHERE,
MARUICHI

MARUICHI GROUP, **JAPAN**

SẢN PHẨM CUỘN
COIL PRODUCTS

Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel (SUNSCO) là công ty hàng đầu về sản xuất thép ống và tôn cuộn.
SUNSCO luôn cải tiến kỹ thuật, không ngừng tìm tòi sáng tạo, cùng với đội ngũ người Nhật và người Việt hết mình cống hiến tạo ra sản phẩm chất lượng, nâng cao uy tín công ty, nâng cao năng suất làm việc, đồng thời coi trọng nguyên tắc cơ bản, tuân thủ kỷ luật tốt.
Chúng tôi hướng tới một công ty **Everywhere Maruichi**, có mặt khắp mọi nơi trong đời sống thường ngày, có mặt khắp mọi nơi trên lãnh thổ Nhật Bản và có mặt khắp mọi nơi trên thế giới.
Sản phẩm thép cuộn của chúng tôi đã được chứng nhận bởi JIS. Chúng tôi là công ty đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam đã được cho phép gắn ký hiệu JIS "JIS" lên các sản phẩm.
Ký hiệu JIS thể hiện sản phẩm được gắn JIS-mark "JIS" là phù hợp với tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản. Với quy định trong Luật Tiêu Chuẩn Hóa Công Nghiệp của Nhật Bản, chỉ có những nhà sản xuất thông qua thí nghiệm sản phẩm và đánh giá cơ chế quản lý chất lượng sản xuất, được chứng nhận bởi tổ chức thứ ba đã đăng ký với chính phủ Nhật Bản mới được phép gắn ký hiệu JIS-mark "JIS" lên sản phẩm.

Maruichi Sun Steel Joint Stock Company (SUNSCO) is a leading manufacturer of steel pipes and coils.
SUNSCO will continue to improve the reliability and productivity of its products by focusing on manufacturing together with Japanese and Vietnamese people, respecting the basics, following the rules, using advanced technology and ingenuity.
We aim for a company **Everywhere Maruichi**. We are the only company that can be found everywhere in life, everywhere in Japan, everywhere in the world.
Our Coil was certified with JIS-Mark, we are the first and sole manufacturer in Vietnam who is allowed to put JIS-mark "JIS" on the products.
JIS-mark is special evidence that those products put JIS-mark "JIS" on conforming to JIS-standard. The manufacturer, only who is certified by the third-party organization registered by Japanese Government in accordance with the regulation specified in Japanese Industrial Standardization Law through the Test of products and the Audit of manufacturing & quality control system, is allowed to put JIS-mark "JIS" on the products.

MỤC LỤC
CONTENTS

QUY TRÌNH SẢN XUẤT 04
MANUFACTURING PROCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN 10
CERTIFICATES

SUNCOAT55 12

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SUNCOAT55 14
SPECIFICATION OF SUNCOAT55

SUNCOLOR55 18

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SUNCOLOR55 20
SPECIFICATION OF SUNCOLOR55

ĐIỂM LƯU Ý KHI LỰA CHỌN NGUYÊN VẬT LIỆU 24
THE POINTS OF ATTENTION
IN SELECTION AND USE OF MATERIALS

QUY TRÌNH SẢN XUẤT
MANUFACTURING PROCESS

DÂY CHUYỀN TẨY RỬA
PUSH-PULL PICKLING LINE

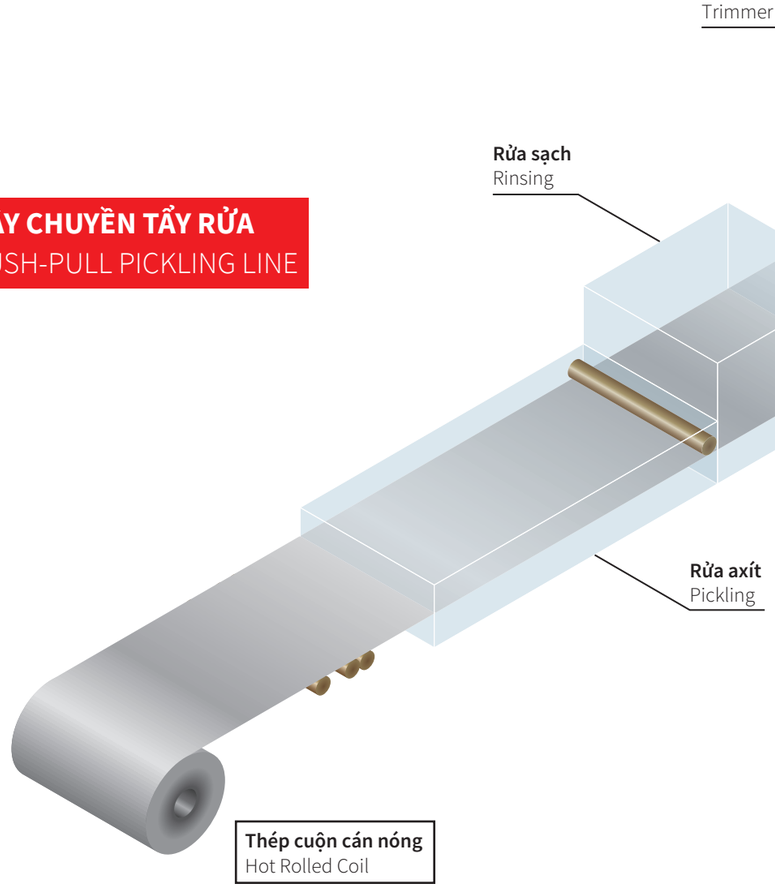

DÂY CHUYỀN TẨY RỬA (PPPL)
Làm sạch bề mặt thép cán nóng trước khi cán.

Công suất : 600,000 tấn/năm
Độ dày nguyên liệu : 1.2mm - 4.5mm
Khổ rộng : 600mm - 1,350mm
Tốc độ : tối đa 180m/phút
Sản phẩm : Cuộn PO

PUSH-PULL PICKLING LINE

Clearing the surface of the hot rolled coil before rolling.

Capacity : 600,000 MT/year
Thickness range of raw materials : 1.2mm - 4.5mm
Width range : 600mm - 1,350mm
Speed : max 180m/min
Product : Pickled Coil

DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI 6 TRỤC
6-HIGH COLD ROLLING MILL

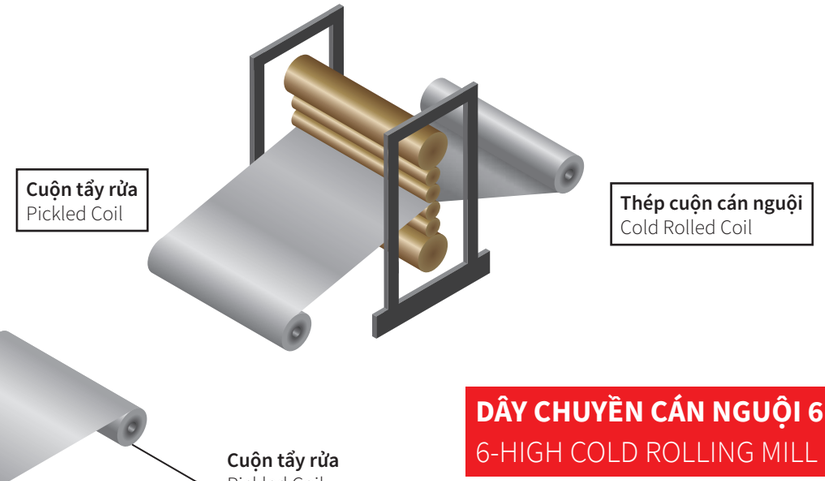

DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI 6 TRỤC SỐ 1 (CRM No.1)

Công suất : 240,000 tấn/năm
Độ dày nguyên liệu : 1.2mm - 4.0mm
Độ dày sản phẩm : 0.18mm - 2.0mm
Khổ rộng : 600mm - 1,250mm
Tốc độ cán : tối đa 1,400m/phút
Sản phẩm: Cuộn cán nguội

6-HIGH COLD ROLLING MILL NO.1

Capacity : 240,000 MT/year
Thickness range of raw materials : 1.2mm - 4.0mm
Thickness of finished cold rolled steel : 0.18mm - 2.0mm
Width range : 600mm - 1,250mm
Rolling speed : max 1,400m/min
Product : Cold Rolled Coil

DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI 6 TRỤC SỐ 2 (CRM No.2)

Công suất : 235,000 tấn/năm
Độ dày nguyên liệu : 1.0mm - 3.20mm
Độ dày sản phẩm : 0.10mm - 2.0mm
Khổ rộng : 700mm - 1,250mm
Tốc độ cán : 1,200m/phút
Sản phẩm: Cuộn cán nguội
Bắt đầu vận hành vào tháng 6 năm 2021.

6-HIGH COLD ROLLING MILL NO.2

Capacity : 235,000 MT/year
Thickness range of raw materials : 1.0mm - 3.20mm
Thickness of finished cold rolled steel : 0.10mm - 2.0mm
Width range : 700mm - 1,250mm
Rolling speed : 1,200m/min
Product: Cold Rolled Coil
The CRM2 started its operation in 2021.

DÂY CHUYỀN MẠ LIÊN TỤC SỐ 1 (CGL No.1)

Công suất : 180,000 tấn/năm
Phạm vi sản xuất :
Độ dày thép nền : 0.2mm - 0.7mm
Khổ rộng : 750mm - 1,250mm
Chất liệu : FH, CQ
Lớp mạ : AZ50 - AZ150
Sản phẩm : Tôn lạnh tráng hợp kim 55% Nhôm - Kẽm

CONTINUOUS GALVANIZING LINE NO.1

Capacity : 180,000 MT/year
Production range :
Thickness : 0.2mm - 0.7mm
Width : 750mm - 1,250mm
Grade : FH, CQ
Coating mass : AZ50 - AZ150
Product : Hop-dip 55% Al-Zn Coated Coil

DÂY CHUYỀN MẠ LIÊN TỤC
CONTINUOUS GALVANIZING LINE

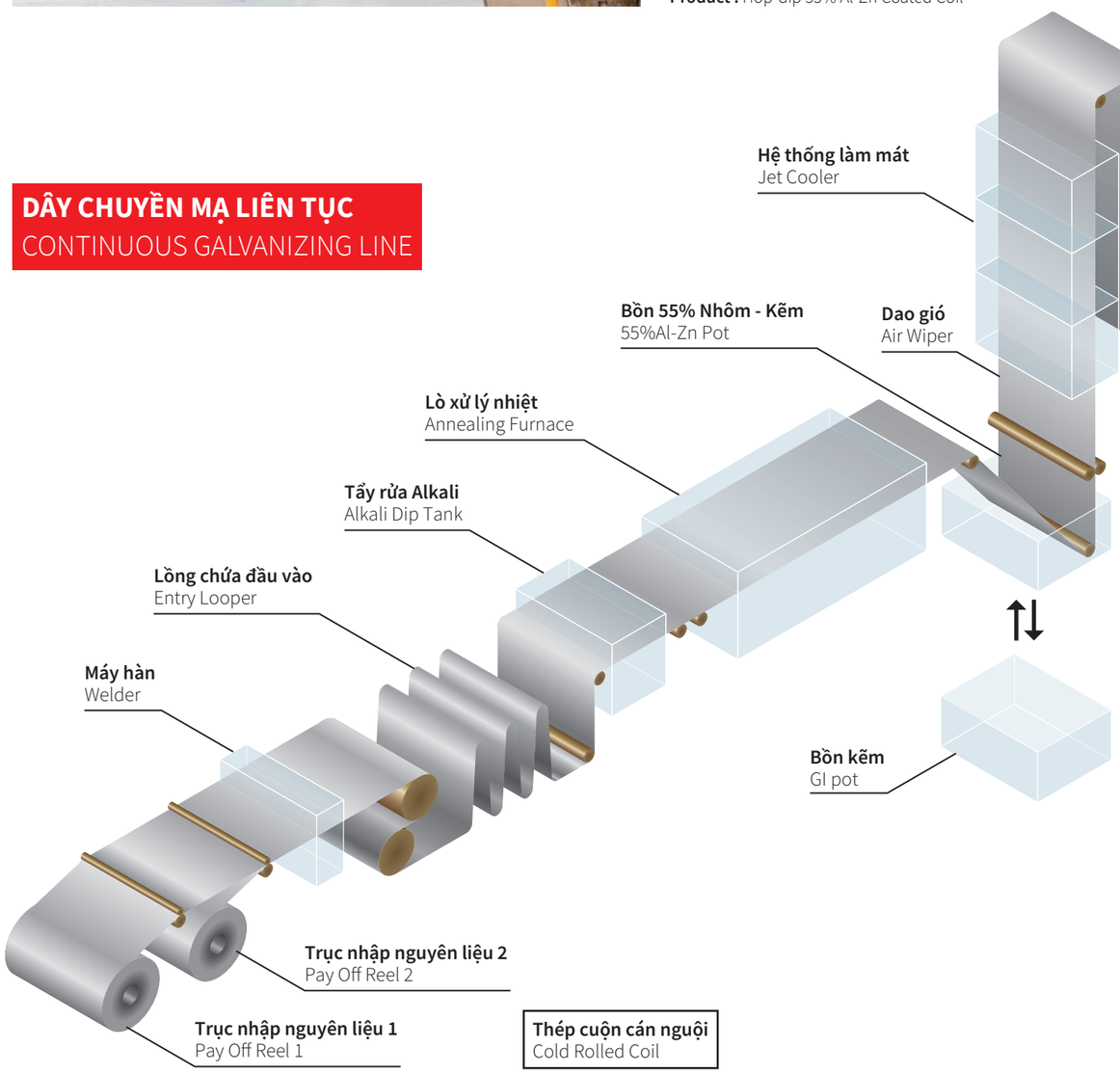

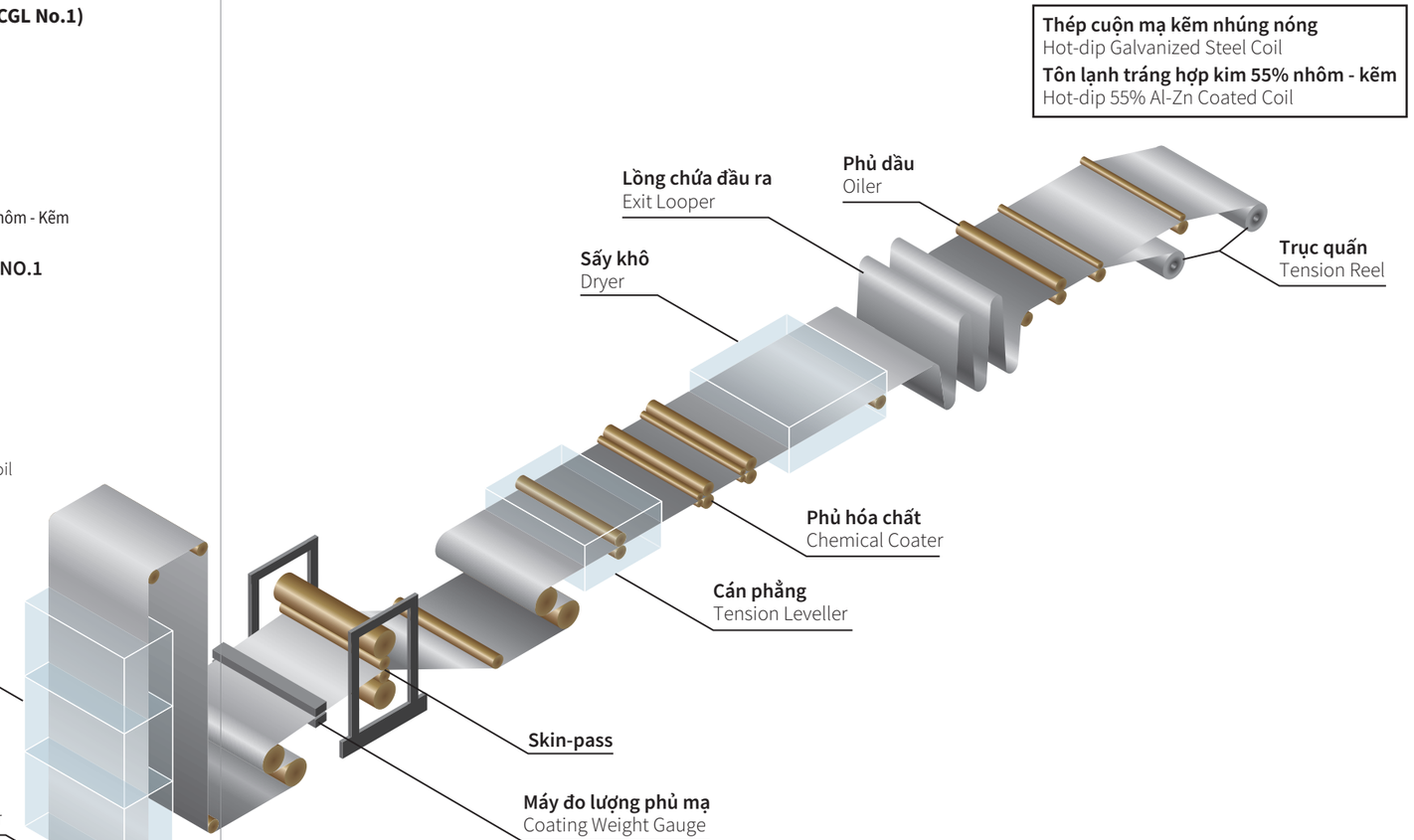

DÂY CHUYỀN MẠ LIÊN TỤC SỐ 2 (CGL No.2)

Dây chuyền mạ được chế tạo bởi Mitsubishi – Hitachi Metals Machinery, Inc. (Nhật Bản)

Công suất : 282,000 tấn/năm
Phạm vi sản xuất :
Độ dày thép nền : GL: 0.3mm - 1.2mm
GI : 0.3mm - 3.2mm
Khổ rộng : 750mm - 1,250mm
Chất liệu : FH, CQ
Lớp mạ : GL : AZ50 - AZ200
GI : Z06 - Z27
Bắt đầu vận hành vào tháng 9 năm 2013

CONTINUOUS GALVANIZING LINE NO.2

The coating lines are manufactured by Mitsubishi – Hitachi Metals Machinery, Inc. (Japan)

Capacity : 282,000 MT/year
Production range :
Thickness : GL : 0.3mm - 1.2mm
GI : 0.3mm - 3.2mm
Width : 750mm - 1,250mm
Grade : FH, CQ
Coating mass : GL : AZ50 - AZ200
GI : Z06 - Z27

The CGL2 started its operation in 2013

DÂY CHUYỀN MẠ MÀU
COLOR COATING LINE

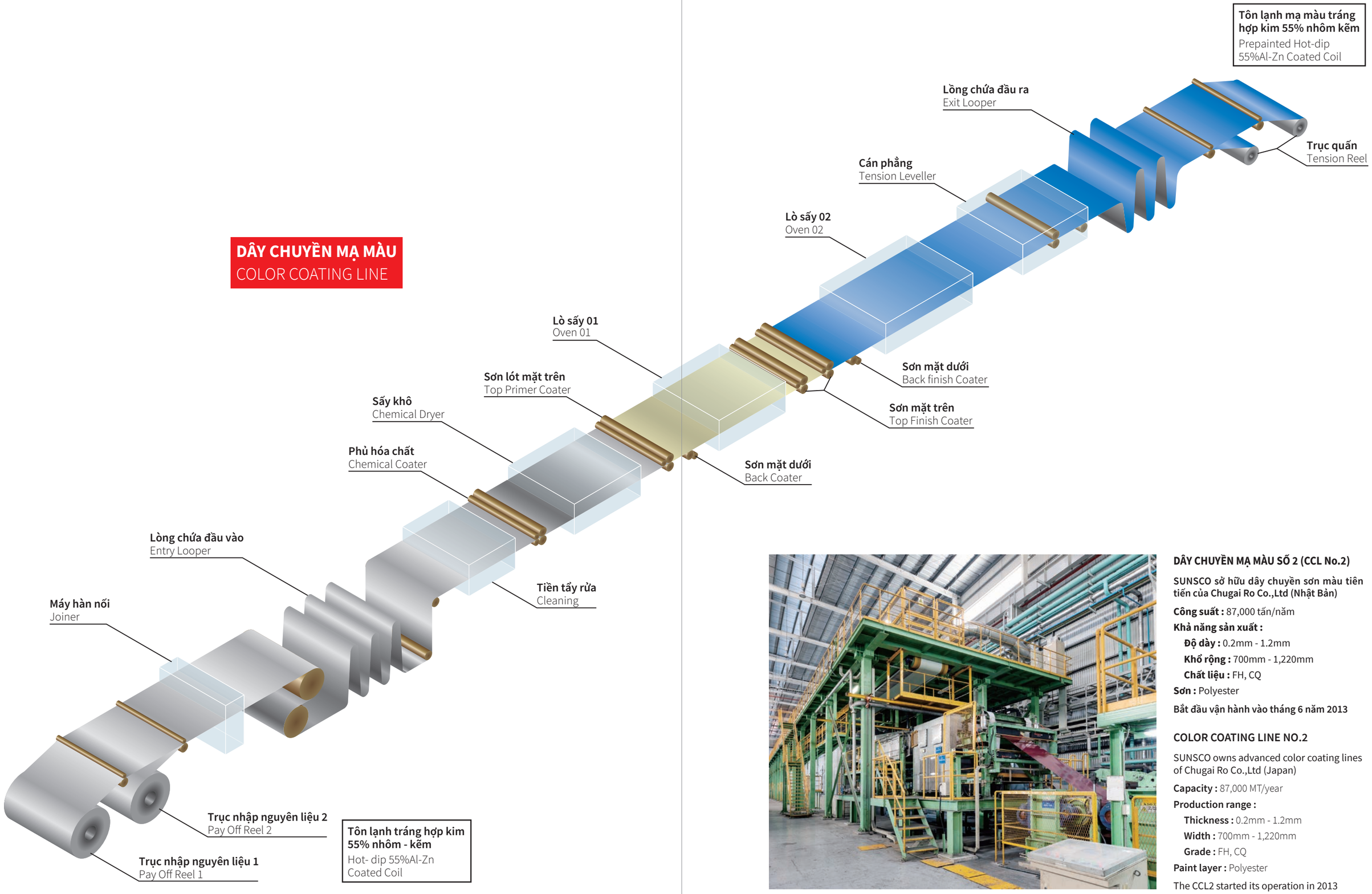

DÂY CHUYỀN MẠ MÀU SỐ 2 (CCL No.2)

SUNSCO sở hữu dây chuyền sơn màu tiên tiến của Chugai Ro Co.,Ltd (Nhật Bản)

Công suất : 87,000 tấn/năm

Khả năng sản xuất :

- **Độ dày :** 0.2mm - 1.2mm
- **Khổ rộng :** 700mm - 1,220mm
- **Chất liệu :** FH, CQ

Sơn : Polyester

Bắt đầu vận hành vào tháng 6 năm 2013

COLOR COATING LINE NO.2

SUNSCO owns advanced color coating lines of Chugai Ro Co.,Ltd (Japan)

Capacity : 87,000 MT/year

Production range :

- **Thickness :** 0.2mm - 1.2mm
- **Width :** 700mm - 1,220mm
- **Grade :** FH, CQ

Paint layer : Polyester

The CCL2 started its operation in 2013

GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATES

CHỨNG NHẬN JIS G 3302, JIS G 3321 & JIS G 3322
JIS G 3302, JIS G 3321 & JIS G 3322 CERTIFICATE

Tiêu chuẩn Công nghiệp Nhật Bản
Japanese Industrial Standards

Chứng nhận sản phẩm chất lượng cao được công nhận bởi quốc gia "Nhật Bản".
Certification of high-quality products accredited by "Japan".

JIS Product Certificate

Certification number QAVN17003

Date of certification February 6, 2018
Date of reissue May 26, 2020

MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY
DT743Rd., Dong Tac Quarter, Tan Dong Hiep Ward, Di An City,
Binh Duong Province, Vietnam

JIC Quality Assurance Ltd., operating as a registered certification body by the Ministry of Economy, Trade and Industry under the Industrial Standardization Law where the conformity to ISO/IEC 17065 is stipulated as the criteria of registration thereof, hereby certifies that the industrial and mineral products or processing technologies mentioned below comply with the certification criteria and specifications in Japanese Industrial Standards as well as in governing ministerial ordinance.

- JIS number, and designation of Products:
  specified in the authorized annex
- Division of certification: G-2
- Type or grade: specified in the authorized annex
- Head FACTORY:
  MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY
  DT743Rd., Dong Tac Quarter, Tan Dong Hiep Ward, Di An City,
  Binh Duong Province, Vietnam
- Basis provision of the Industrial Standardization Law: Article 37, Paragraph 1

JIC Quality Assurance Ltd.
2-15-3, Shintomi, Chuo-ku, Tokyo-Japan
Hirofumi Kawasaki, President

No.646504

Annex 1/1

JIS Product Certificate
Annex

Certification number QAVN17003

Date of certification February 6, 2018
Date of reissue May 26, 2020

MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY

- JIS number, and designation of Products/Processing technologies
- Type or grade

Product type	Designation		Division of shape etc.
JIS G 3302 Hot-dip zinc-coated steel sheet and strip	SGHC	SGH400	Using hot-rolled base metal
	SGCC	SGC570	Using cold-reduced base metal
	SGC 400	–	
JIS G 3321 Hot-dip 55% aluminium -zinc alloy-coated steel sheet and strip	SGLCC	SGLC570	Using cold-reduced base metal

Product type	Designation		Remarks
JIS G 3322 Prepainted hot-dip 55 % aluminium--zinc alloy-coated steel sheet and strip	CGLCC	–	Classification of paint coatings and symbols:) Chromate-free coated steel coils are not range of certification.
	CGLC570	–	

Note): Sheets and corrugated sheets are not range of certification.

JIC Quality Assuranee Ltd.
2-15-3, Shintomi, Chuo-ku, Tokyo-Japan
Hirofumi Kawasaki, President

No.646504

CHỨNG NHẬN SNI 4096 / SNI 4096 CERTIFICATE

Kementerian Perindustrian REPUBLIK INDONESIA
KAN

BALAI RISET DAN STANDARDISASI INDUSTRI SURABAYA
LEMBAGA SERTIFIKASI PRODUK (LSPro)

SERTIFIKAT PRODUK PENGGUNAAN TANDA SNI
Number: 198/15.01.06/19/LSPro/II/2020

Representative Office : PT. BAJA MENTARI INDONESIA
Address : Kantor The Boutique Office Park No. 28A 2f, M. Benyamin Suaeb Blok A5, Kel. Kebon Kosong, Kec. Kemayoran, Jakarta Pusat
Manufacturer : MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY
Address : 743 rd., Dong Tac Quarter, Tan Dong Hiep Ward, Di An County, Binh Duong Province, Vietnam
Factory Location : 743 rd., Dong Tac Quarter, Tan Dong Hiep Ward, Di An County, Binh Duong Province, Vietnam
Commodity : Aluminium-Zinc Alloy Coated Steel Sheet And Coil
SNI Number : 4096 : 2007
Type/Kind : Attached
Brand : MARUICHI SUNSCO
Type of Certification : Type 5
Quality System Applied : SNI ISO 9001 : 2015

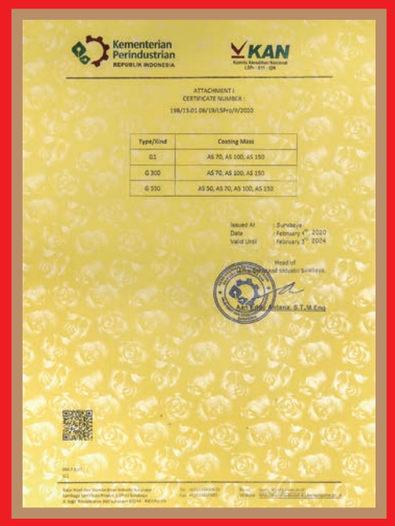
Kementerian Perindustrian REPUBLIK INDONESIA
KAN

ATTACHMENT I
CERTIFICATE NUMBER :
198/15.01.06/19/LSPro/II/2020

Type/Kind	Coating Mass
G1	AS 70, AS 100, AS 150
G 300	AS 70, AS 100, AS 150
G 550	AS 50, AS 70, AS 100, AS 150

Issued At : Surabaya
Date : February 4th 2020
Valid Until : February 3rd 2024

Head of
Balai Riset dan Standardisasi Industri Surabaya

Ir. Hendi Mustofa, S.T.M.Eng

CHỨNG NHẬN SIRIM MS 1196 & MS 2383
SIRIM MS 1196 & MS 2383 CERTIFICATE

Chất lượng sản phẩm được công nhận ở Châu Á.
Product quality recognized in Asia.

No Lesen : PC000710
Licence No :

LESEN PENSIJILAN BARANGAN
Product Certification Licence

SIRIM QAS International Sdn. Bhd. dengan ini menganugerahkan kepada
SIRIM QAS International Sdn. Bhd. hereby grants to

MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY
DT 743 ROAD, DONG TAC QUARTER
TAN DONG HIEP WARD
DI AN CITY
BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM

Lesen untuk menggunakan Tanda Pensijilan di atas barangan
a licence to use the Certification Mark on

HOT-DIP ALUMINIUM/ZINC-COATED STEEL COIL

Please refer to detail in the SCHEDULE

sebagai mematuhi keperluan
as complying with

MS 1196 : 2014

Nur Fadhilah binti Muhammad
Ketua Pegawai Eksekutif
Chief Executive Officer
SIRIM QAS International Sdn. Bhd.

Tarikh Mula Pensijilan : 02 August 2013
Certified Since
Sah Sehingga : 02 August 2022
Valid Until
Tarikh Dikeluarkan : 23 July 2021
Issue Date
No Siri :
Serial No

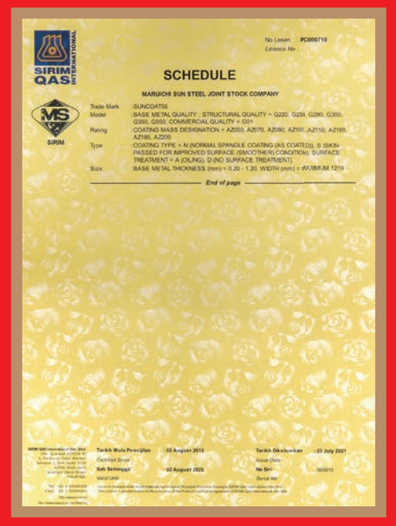
No Lesen : PC000710
Licence No :

SCHEDULE

MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY

Trade Mark : SUNCOATSS
Model : BASE METAL QUALITY : STRUCTURAL QUALITY = G220, G250, G280, G300, G350, G550; COMMERCIAL QUALITY = G01
Rating : COATING MASS DESIGNATION = AZ050, AZ070, AZ090, AZ100, AZ150, AZ165, AZ185, AZ200
Type : COATING TYPE = N (NORMAL SPANGLE COATING (AS COATED)), S (SKIN-PASSED FOR IMPROVED SURFACE (SMOOTHER) CONDITION), SURFACE TREATMENT = A (OILING), D (NO SURFACE TREATMENT)
Size : BASE METAL THICKNESS (mm) = 0.20 - 1.20, WIDTH (mm) = MAXIMUM 1219

End of page

Tarikh Mula Pensijilan : 02 August 2013
Certified Since
Sah Sehingga : 02 August 2022
Valid Until
Tarikh Dikeluarkan : 23 July 2021
Issue Date
No Siri :
Serial No

MS1196 Certificate

No Lesen : PC001059
Licence No :

LESEN PENSIJILAN BARANGAN
Product Certification Licence

SIRIM QAS International Sdn. Bhd. dengan ini menganugerahkan kepada
SIRIM QAS International Sdn. Bhd. hereby grants to

MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY
DT 743 ROAD, DONG TAC QUARTER
TAN DONG HIEP WARD
00000 DI AN CITY
BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM

Lesen untuk menggunakan Tanda Pensijilan di atas barangan
a licence to use the Certification Mark on

PREFINISHED SHEET METAL PRODUCT FOR INTERIOR/EXTERIOR BUILDING APPLICATION

Please refer to detail in the SCHEDULE

sebagai mematuhi keperluan
as complying with

MS 2383 : 2011

Mohd Azaruddin bin Salleh
Ketua Pegawai Eksekutif
Chief Executive Officer
SIRIM QAS International Sdn. Bhd.

Tarikh Mula Pensijilan : 07 March 2014
Certified Since
Sah Sehingga : 07 March 2022
Valid Until
Tarikh Dikeluarkan : 26 January 2021
Issue Date
No Siri :
Serial No

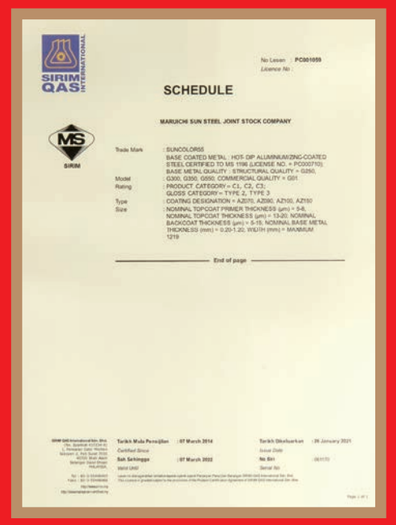
No Lesen : PC001059
Licence No :

SCHEDULE

MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY

Trade Mark : SUNCOLORSS
BASE COATED METAL : HOT-DIP ALUMINIUM/ZINC-COATED STEEL CERTIFIED TO MS 1196 (LICENSE NO. = PC000710)
Model : BASE METAL QUALITY : STRUCTURAL QUALITY = G250, G300, G350, G550; COMMERCIAL QUALITY = G01
Rating : PRODUCT CATEGORY = C1, C2, C3;
GLOSS CATEGORY = TYPE 2, TYPE 3
Type : COATING DESIGNATION = AZ070, AZ090, AZ100, AZ150
Size : NOMINAL TOPCOAT PRIMER THICKNESS (µm) = 5-8, NOMINAL TOPCOAT THICKNESS (µm) = 13-20, NOMINAL BACKCOAT THICKNESS (µm) = 5-15; NOMINAL BASE METAL THICKNESS (mm) = 0.20-1.20, WIDTH (mm) = MAXIMUM 1219

End of page

Tarikh Mula Pensijilan : 07 March 2014
Certified Since
Sah Sehingga : 07 March 2022
Valid Until
Tarikh Dikeluarkan : 26 January 2021
Issue Date
No Siri :
Serial No

MS2383 Certificate

Ngoài ra công ty còn có các chứng nhận:
In addition, SUNCO also has other certificates:

*Tham khảo thêm tại Hồ sơ năng lực.
*Please refer to our company profile.

- Chứng nhận ISO/IEC 17025
- ISO/IEC 17025 Certificate

- Chứng nhận ISO 9001
- ISO 9001 Certificate

- Chứng nhận ISO 14001
- ISO 14001 Certificate

SUNCOAT55 TÔN LẠNH TRÁNG HỢP KIM 55% NHÔM - KẼM
HOT - DIP 55% AL-ZN COATED STEEL COIL

SẢN PHẨM CÔNG TY CHÚNG TÔI ĐẠT TIÊU CHUẨN NHẬT BẢN, CHẤT LƯỢNG CAO VÀ SẢN PHẨM CÓ TUỔI THỌ LÂU DÀI.
OUR COMPANY'S PRODUCTS ARE OF JAPANESE STANDARD, IT HAS HIGH QUALITY AND LONG LIFESPAN.

SUNCOAT55 là tôn lạnh tráng hợp kim 55% Nhôm - Kẽm chất lượng cao, với sự chuyển giao kỹ thuật từ MARUICHI STEEL TUBE của Nhật Bản. Sản phẩm của Chúng Tôi được sản xuất dựa theo sự quản lý và kỹ thuật của Nhật Bản, cung cấp cho quý khách hàng sản phẩm chất lượng cao và tuổi thọ lâu dài.

SUNCOAT55 is a type of high-quality Hot-Dip 55%Al-Zn coated steel coil whose technical capability was transferred from MARUICHI STEEL TUBE of Japan. Our products have manufactured by Japanese technology and management will provide our customers with high quality and long lifespan.

TÍNH CHỐNG ĂN MÒN MẠNH CỦA LỚP MẠ
THE MOST OPTIMAL ANTI-CORROSION COATING PROPERTIES

Khi so sánh với Hot-dip galvanized steel coil, 5%Al-Zn coated steel coil hay Mg type coated steel coil, SUNCOAT55 mang tính chống ăn mòn mạnh trên thép tấm mạ. (Ngoại trừ môi trường kiềm)

(Tham khảo)
· Gấp 6 lần Hot-dip galvanized steel coil.
· Gấp 3 lần 5%Al-Zn coated steel coil.
· Gấp 1.5 lần Mg type coated steel coil.

In comparison with Hot-dip galvanized steel coil, 5%Al-Zn coated steel coil and Mg type coated steel coil, SUNCOAT55 in the form of coated steel sheet is the most strong in anti-corrosion. (Except Alkaline environment)

(Reference)
· Six times stronger in comparison with Hot-dip galvanized steel coil.
· Three times stronger in comparison with 5%Al-Zn coated steel coil.
· One point five times stronger in comparison with Mg type coated steel coil.

Khả năng chống ăn mòn vượt trội
Outstanding corrosion resistance

55% Al-Zn coated (75g/m2) **Zn coated (135g/m2)**

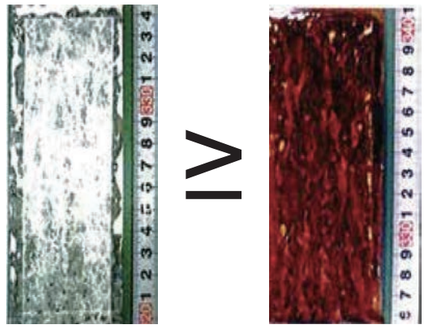

Kết quả sau thí nghiệm phun sương muối theo tiêu chuẩn JIS Z2371 (35 °C, dung dịch 5%) sau 2000 giờ.
The result of the salt spray test in accordance with JIS Z2371 (35°C, 5% solution) after 2000 hours.

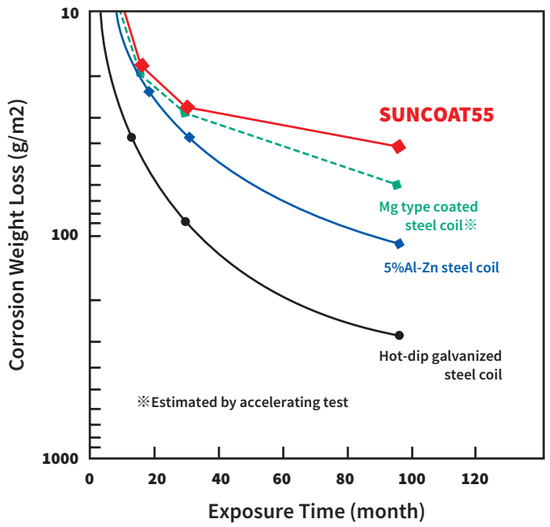

BẢO HÀNH LÊN ĐẾN 15 NĂM!* / WARRANTY UP TO 15 YEARS!*

BẢO HÀNH WARRANTY

SUNCOAT55 được bảo hành lên đến 15 năm. Sản phẩm có lớp mạ rào cản mạnh mẽ của 55% Nhôm cùng với sự bảo vệ của Kẽm.
Vì vậy, SUNCOAT55 sở hữu độ bền lâu dài vượt trội hơn so với các sản phẩm tôn mạ khác. Đặc biệt do có sự chống chọi mạnh với mưa axit, nên có khả năng sử dụng lâu dài, thích hợp sử dụng làm vật liệu xây dựng như mái nhà, tường,…

Warranty of SUNCOAT55 product up to 15 years. It has a coat containing Zinc and 55% Aluminum, of which Aluminum has strong barrier protection property and Zinc has property of sacrificial protection.
Therefore, SUNCOAT55 has long time strength, much longer than that of other galvanized steel sheets. Especially it is also resistant to acid rain, should be capable of long-term use, suitable for building materials such as roofs, walls,…,

***Chính sách bảo hành:** Trong thời gian bảo hành, ở môi trường bình thường mà sản phẩm bị lỗ thủng do tác động của chất ăn mòn. Trường hợp này vi phạm hạng mục miễn trừ trách nhiệm, công ty chúng tôi không thể chịu trách nhiệm. Vì vậy mong quý khách hãy hiểu và thông cảm.
Bên cạnh đó, tùy thuộc vào khu vực, môi trường hay điều kiện, nội dung bảo hành và thời hạn sẽ khác nhau.

***Warranty policy:** "In normal environment, the product is guaranteed that it will have no hole due to material corrosion throughout the warranty period" and we shall bear no responsibility in case your company breaks provision on exemption from responsibility. Please Kindly understand.
Policy and period of warranty may be changed depending on location, environment and conditions.

TÍNH NĂNG PHẢN XẠ NHIỆT / HEAT REFLECTION PROPERTY

SUNCOAT55 có khả năng phản xạ nhiệt tốt lên đến 70~75%, cao gấp 2 lần so với thép tấm mạ kẽm thông thường. Vì vậy, giảm sự gia tăng nhiệt độ trên bề mặt, thích hợp để làm vật liệu xây dựng như mái nhà, tường... mang đến không gian sống thoải mái, thông thoáng.

SUNCOAT55 has an excellent heat reflection the ability of up to 75%, which is twice as good as conventional galvanized steel sheet. As a result, the temperature increase on the surface reduced, making it appropriate for manufacturing building materials such as roofs, walls,…., providing a comfortable and ventilated living space.

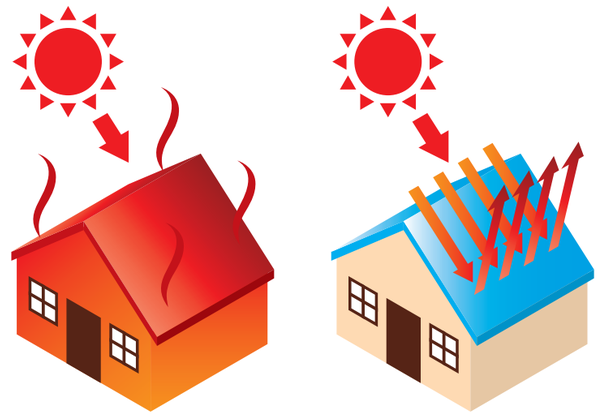

Other coated steel **SUNCOAT55**

BỀ MẶT SẢN PHẨM / PRODUCT APPEARANCE

Với bề mặt hoa kẽm mịn trên nền bạc trắng, SUNCOAT55 mang đến cảm giác thẩm mỹ cho người sử dụng, giúp cho công trình kiến trúc trở nên đẹp hơn.

With its smooth galvanized metal texture surface on a silver backdrop, SUNCOAT55 provides the user with an aesthetic sense, making the architecture more attractive.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SUNCOAT55
SPECIFICATION OF SUNCOAT55

PHẠM VI SẢN XUẤT, CHẤT LIỆU VÀ KÝ HIỆU LƯỢNG MẠ
PRODUCTION RANGE, GRADE AND COATING MASS SYMBOL

Độ dày thép nền Base metal thickness (mm)	Khổ rộng tiêu chuẩn Standard width (mm)	Chất liệu Grade	Ký hiệu lượng mạ Coating mass symbol
0.20 ~ 1.20	914, 1200, 1219	CQ, G300, G450, G550, FH	AZ50, AZ70, AZ100, AZ150

*Nếu Quý Khách hàng cần thêm thông tin khác với thông số nêu trên, vui lòng liên hệ đến phòng Kinh Doanh của chúng tôi.
*If you require any further information, please contact our Business Dept.

XỬ LÝ BỀ MẶT / SURFACE TREATMENT

Ứng dụng Principal use	Xử lý bề mặt Surface treatment	Skin-pass	Xử lý hóa chất Chemical treatment	Phủ dầu Oiling
Cho mái và vách For roof & wall	Regular spangle	No skin-passed	Resin treatment (Anti-finger print)	Non oiled
	R	X	RS	X
Cho mạ màu For color coating	Regular spangle	Skin-passed	No treatment	Oiled
	R	S	M	O

TÍNH CHẤT CƠ HỌC / MECHANICAL PROPERTIES

Chất liệu Grade	Giới hạn chảy Yield point	Độ bền kéo Tensile strength	Độ giãn dài Elongation		Thí nghiệm uốn cong Internal spacing of bend			
	YP	TS	EL		(180°)			
	(N/mm²)	(N/mm²)	(%)		AZ50	AZ70	AZ100	AZ150
CQ	(205 ≤)	(270 ≤)	0.20 ≤ BMT < 0.25	-	≤ 1t	≤ 1t	≤ 1t	≤ 2t
			0.25 ≤ BMT < 0.40	(20 ≤)				
			0.40 ≤ BMT < 0.60	(21 ≤)				
			0.60 ≤ BMT < 1.00	24 ≤				
			1.00 ≤ BMT < 1.20	24 ≤				
G300	205 ≤	300 ≤	0.20 ≤ BMT < 0.25	-	≤ 1t	≤ 1t	≤ 1t	≤ 2t
			0.25 ≤ BMT < 0.40	(20 ≤)				
			0.40 ≤ BMT < 0.60	(21 ≤)				
			0.60 ≤ BMT < 1.00	24 ≤				
			1.00 ≤ BMT < 1.20	24 ≤				
G450	335 ≤	450 ≤	0.20 ≤ BMT < 0.25	-	≤ 3t	≤ 3t	≤ 3t	≤ 4t
			0.25 ≤ BMT < 0.40	(14 ≤)				
			0.40 ≤ BMT < 0.60	(15 ≤)				
			0.60 ≤ BMT < 1.00	16 ≤				
			1.00 ≤ BMT < 1.20	18 ≤				
G550	550 ≤	550 ≤	-		-			
FH	560 ≤	570 ≤	-		-			

*Giá trị trong ngoặc ( ) mang tính chất tham khảo. / *Figures in brackets ( ) just for reference.

THÔNG SỐ TIÊU CHUẨN CỦA SUNCOAT55 / STANDARD SPECIFICATION OF SUNCOAT55

Đặc tính chất lượng Quality properties		Phương pháp thí nghiệm Test method	Giá trị tiêu chuẩn áp dụng Reference criteria value
Tính chất cơ học Mechanical properties	Thí nghiệm thử kéo Tensile test Thí nghiệm uốn cong Bend test	JIS G 3321	Theo bảng bên trái According to the table on the left
Thành phần hóa học Chemical composition	Phân tích thành phần hóa học Cast analysis	JIS G 3321	JIS G 3321 TCVN 7470
Lượng mạ Coating mass	Thí nghiệm lượng mạ Coating mass test	JIS G 3321	JIS G 3321 TCVN 7470
Kích thước Dimensions	Độ dày Thickness	JIS G 3321	JIS G 3321 TCVN 7470
	Khổ rộng Width		
	Cong Biên Camber		
	Độ phẳng Flatness		

JIS G3321:2019 DUNG SAI KÍCH THƯỚC / DIMENSIONAL TOLERANCES

Đơn vị / Unit : mm

Hạng mục Item	Dung sai Tolerance (w: Khổ rộng/Width)	
Độ dày danh nghĩa Nominal thickness (t: Độ dày/Thickness)	914 ≤ w < 1000	1000 ≤ w ≤ 1219
0.20 ≤ t < 0.25	± 0.04	± 0.04
0.25 ≤ t < 0.40	± 0.05	± 0.05
0.40 ≤ t < 0.60	± 0.06	± 0.06
0.60 ≤ t < 0.80	± 0.07	± 0.07
0.80 ≤ t < 1.00	± 0.07	± 0.08
1.00 ≤ t ≤ 1.20	± 0.08	± 0.09
Khổ rộng Width	- 0, +7	
Cong biên Camber	≤ 2.0 với mọi điểm trên tổng chiều dài 2000mm ≤ 2.0 in any 2000 length	
Độ phẳng Flatness — Cong tôn Bow	≤ 12 (914 ≤ w < 1000)	
	≤ 15 (1000 ≤ w ≤ 1219)	
Độ phẳng Flatness — Giãn biên Edge wave	≤ 8 (914 ≤ w < 1000)	
	≤ 9 (1000 ≤ w ≤ 1219)	
Độ phẳng Flatness — Giãn giữa Center buckle	≤ 6 (914 ≤ w < 1000)	
	≤ 8 (1000 ≤ w ≤ 1219)	

TCVN 7470:2005 DUNG SAI KÍCH THƯỚC / DIMENSIONAL TOLERANCES (AS1365)

Đơn vị / Unit : mm

Hạng mục Item	Dung sai Tolerance (w: Khổ rộng/Width)	
Độ dày chỉ định Specified thickness (t: Độ dày/Thickness)	914 ≤ w ≤ 1200	1200 < w ≤ 1219
0.20 ≤ t ≤ 0.30	± 0.02	-
0.30 < t ≤ 0.50	± 0.03	± 0.04
0.50 < t ≤ 0.80	± 0.04	± 0.05
0.80 < t ≤ 1.20	± 0.05	± 0.06
Khổ rộng Width	914 ≤ w ≤ 1000	1000 < w ≤ 1219
	- 0, + 4	- 0, + 5
Cong biên Camber	≤ 4.0 với mọi điểm trên tổng chiều dài 2000mm ≤ 4.0 in any 2000 length	
Độ phẳng Flatness	≤ 5 (914 ≤ w ≤ 1000) ≤ 8 (1000 < w ≤ 1219)	

TIÊU CHUẨN KHÁC TƯƠNG ĐƯƠNG SUNCOAT55 / EQUIVALENT OTHER STANDARD OF SUNCOAT55

SUNCOAT55	JIS G 3321	TCVN7470	ASTM A792/A792M	MS 1196	SNI4096
CQ	SGLCC	-	Type B	G01	G2
G300	-	G250	GR.33 [G230]	G250	G250
G450	-	G350	GR.50 [G340] CL1	-	-
G550	SGLC570	G550	GR.80 [G550] CL1	G550	G550
FH					

*Nếu Quý Khách hàng cần thêm thông tin khác với thông số nêu trên, vui lòng liên hệ đến phòng Kinh Doanh của chúng tôi.
*If you require any further information, please contact our Business Dept.

IN CHỮ CUỘN / COIL STENCIL

Ví dụ : Trường hợp SUNCOAT55
For example : SUNCOAT55 case

For Vietnamese

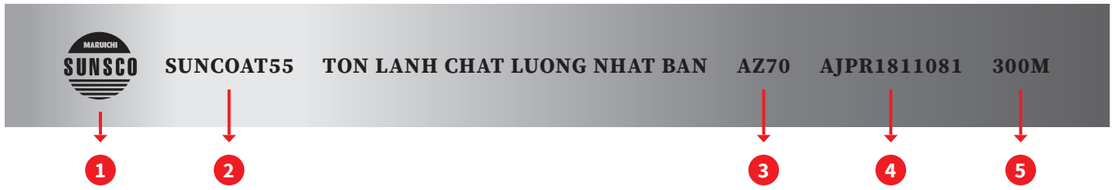

For others

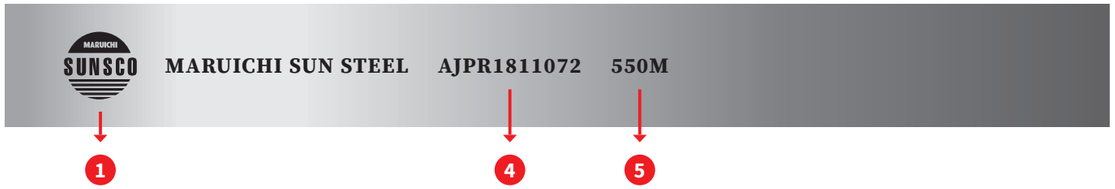

1 **LOGO SUNSCO** SUNSCO Logo mark	2 **Tiêu chuẩn** Standard	3 **Lượng mạ** Coating mass	4 **Mã số cuộn** Coil No.	5 **Chiều dài cuộn** Coil length

NHÃN CUỘN / COIL LABEL

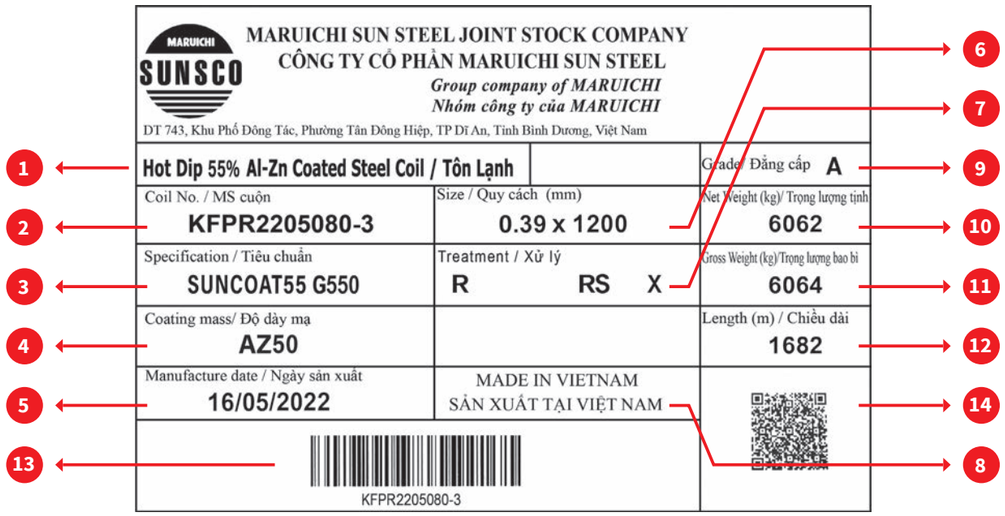

1 **Tên sản phẩm** Commodity	2 **Mã số cuộn** Coil No.	3 **Tiêu chuẩn** Specification	4 **Lượng mạ** Coating mass	5 **Ngày sản xuất** Manufacture date
6 **Quy cách** Size	7 **Xử lý** Treatment	8 **Nước sản xuất** Country of origin	9 **Đẳng cấp** Grade	10 **Trọng lượng tịnh** Net weight
11 **Trọng lượng bao bì** Gross weight	12 **Chiều dài** Coil length	13 **Mã vạch** Barcode	14 **Mã QR** QR code	

BAO BÌ ĐÓNG GÓI / PACKAGING

Ở vòng ngoài của cuộn sử dụng tấm mạ hoặc tấm mạ màu chắc chắn, khó bị rỉ sét. Hai tấm bên có in thông tin công ty bằng chữ đỏ trên nền trắng. Ở phía trong sử dụng giấy chống thấm ngăn ngừa sự xâm nhập của nước.

External packaging is very solid and corrosive resistant, using plated sheet or color sheet. The two lateral plates with company information have printed in red letters on a white background. Internal packaging has waterproof paper to prevent water penetration.

SẢN PHẨM KHÁC / OTHER PRODUCT

JIS G 3321 - Giấy chứng nhận sản phẩm / JIS G 3321 - Product Certificate

Phạm vi sản xuất / Production range

Độ dày thép nền Base metal thickness (mm)	Khổ rộng tiêu chuẩn Standard width (mm)	Chất liệu Grade	Ký hiệu lượng mạ Coating mass symbol
0.20 ~ 1.20	914, 1200, 1219	SGLCC SGLC570	AZ70, AZ90, AZ120, AZ150

Xử lý bề mặt / Surface Treatment

Ứng dụng Principal use	Xử lý bề mặt Surface treatment	Skin-pass	Xử lý hóa chất Chemical treatment	Phủ dầu Oiling
Cho mái và vách For roof & wall	Regular spangle	No skin-passed	Resin treatment (Anti-finger print)	Non oiled
	R	X	RS	X
Cho mạ màu For color coating	Regular spangle	Skin-passed	No treatment	Oiled
	R	S	M	O

Ngoài ra, chúng tôi còn đáp ứng được các tiêu chuẩn SIRIM MS1196 (Giấy chứng nhận sản phẩm), ASTM A792/A792M, AS1397, SNI4096. Chi tiết cụ thể xin liên hệ đến Phòng Kinh Doanh của chúng tôi.

In addition, there is also correspondence with SIRIM MS1196 (Product certification), ASTM A792/A792M, AS1397, SNI4096. Please contact our Business Dept for more details.

SUNCOLOR55 TÔN LẠNH MẠ MÀU TRÁNG HỢP KIM 55% NHÔM - KẼM
PRE PAINTED HOT-DIP 55% AL-ZN COATED STEEL COIL

SẢN PHẨM CÔNG TY CHÚNG TÔI ĐẠT TIÊU CHUẨN NHẬT BẢN, CHẤT LƯỢNG CAO VÀ SẢN PHẨM CÓ TUỔI THỌ LÂU DÀI.
OUR COMPANY'S PRODUCTS CONFORM JAPANESE STANDARD, IT HAS HIGH QUALITY AND LONG LIFESPAN.

SUNCOLOR55 là tôn lạnh tráng hợp kim 55% Nhôm - Kẽm mạ màu chất lượng cao, với sự chuyển giao kỹ thuật từ MARUICHI STEEL TUBE của Nhật Bản. Sản phẩm của Công Ty Chúng Tôi được sản xuất dựa theo sự quản lý và kỹ thuật của Nhật Bản, cung cấp cho quý khách hàng sản phẩm chất lượng cao và tuổi thọ lâu dài.

SUNCOLOR55 is a type of high-quality Pre-painted Hot-Dip 55%Al-Zn coated steel coil which technical capability was transferred from MARUICHI STEEL TUBE of Japan. Our products have manufactured by Japanese technology and management will provide our customer with high quality and long lifespan.

HAI LOẠI TẤM THÉP MÀU PPGL VÀ SPGL
TWO TYPES OF COLOR STEEL COIL : PPGL AND SPGL

Trong SUNCOLOR55, có sản phẩm SPGL với lớp sơn mỏng và PPGL với lớp sơn dày có độ bền vượt trội. Cùng với sự biến đổi màu sắc phong phú, sẽ đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng.

SUNCOLOR55 has thick coat film PPGL with excellent duration and thin coat SPGL. Moreover, product has diversified color. It meets all requirements from customers.

PPGL	**Mặt trên 18µm + Mặt dưới 5µm** TOPCOAT 18µm + BACKCOAT 5µm
SPGL	**Mặt trên 10µm + Mặt dưới 5µm** TOPCOAT 10µm + BACKCOAT 5µm

*Độ dày lớp sơn danh nghĩa / *Nominal dry film thickness

SỰ PHONG PHÚ TRONG VIỆC CHỌN MÀU SẮC / DIVERSIFIED OPTION OF COLORS

SUNCOLOR55 có các màu tiêu chuẩn với sự phối màu đẹp. Chi tiết xin vui lòng tham khảo bảng màu Color kit (mẫu màu chuẩn) của công ty chúng tôi. Tất nhiên, chúng tôi cũng đáp ứng các màu sắc theo yêu cầu của quý khách hàng.

SUNCOLOR55 has standardized beautiful colors. For more details, please refer to our Color kit (collection of colors). And we also flexibly adjust colors following the request of customers.

SPH285 **SPL695** **SPL580** **SPL640** **SPL937**

*Màu in trong Catalogue sẽ khác với màu của sản phẩm trong thực tế.
*Hãy tham khảo bảng màu chuẩn của công ty chúng tôi.

*The color shown in the catalog may be different from the color of actual products.
*Please refer to our color sample kit.

BẢO HÀNH LÊN ĐẾN 15 NĂM!* / WARRANTY UP TO 15 YEARS!*

BẢO HÀNH
WARRANTY

SUNCOLOR55 được bảo hành sản phẩm lên đến 15 năm. Được thực hiện sơn phủ 2 COAT - 2 BAKE lớp sơn nhựa Polyester với độ bền vượt trội, ngăn chặn các chất thúc đẩy sự ăn mòn (nước, oxy, axit, vvv…). Sở hữu độ bền lâu dài vượt trội bằng cách ngăn chặn sự ăn mòn lớp mạ, thích hợp nhất cho vật liệu xây dựng như mái nhà, tường, vvv...

Warranty of SUNCOLOR55 product up to 15 years. Polyester resin paint with 2 COAT - 2 BAKE, is able to high corrosion-resistance, prevent substances promoting corrosion (water, oxygen, acid, etc.) which can penetrate into the plated base sheet. It has excellent long-term durability by preventing corrosion of the coat, and it is suitable for building materials such as roofs, walls,…

***Chính sách bảo hành:** Chính sách bảo hành: Trong thời gian bảo hành, ở môi trường bình thường mà sản phẩm bị lỗ thủng do tác động của chất ăn mòn. Trường hợp này vi phạm hạng mục miễn trừ trách nhiệm, công ty chúng tôi không thể chịu trách nhiệm. Vì vậy mong quý khách hãy hiểu và thông cảm.
Bên cạnh đó, tùy thuộc vào khu vực, môi trường hay điều kiện, nội dung bảo hành và thời hạn sẽ khác nhau.

***Warranty policy:** "In normal environment, the product is guaranteed that it will have no hole due to material corrosion throughout the warranty period" and we shall bear no responsibility in case your company breaks provision on exemption from responsibility.
Policy and period of warranty may be changed depending on location, environment and conditions.

TÍNH CHỐNG ĂN MÒN MẠNH / THE STRONGEST ANTI-CORROSION CAPABILITY

SUNCOLOR55 sử dụng SUNCOAT55 có tính chống ăn mòn mạnh trên tấm thép mạ. Lớp sơn sử dụng là Polyester chất lượng cao, nâng cao khả năng chống ăn mòn nhờ lớp sơn lót Primer, cải thiện tính chống ăn mòn bởi lớp sơn hoàn thiện mặt trên.
Với sự kết hợp của 3 yếu tố này, đã thực hiện được việc nâng cao tính chống ăn mòn hơn nữa. Bề mặt sơn được sơn phủ 2 COAT-2 BAKE cẩn thận nên được ưa chuộng và phổ biến nhờ sự chắc chắn và đẹp.

SUNCOLOR55 uses SUNCOAT55 can resist corrosion because it has a base plated steel sheet. In painting, we use Polyester resin paint with high quality to improve anti-corrosion of the Primer and the top finish layer. The association of three factors will gain further improvement of duration. The surface has been coated carefully with 2 COAT - 2 BAKE very solid and assured aesthetic.

Tổng quan cấu trúc tôn SUNCOLOR55 / Overview of SUNCOLOR55

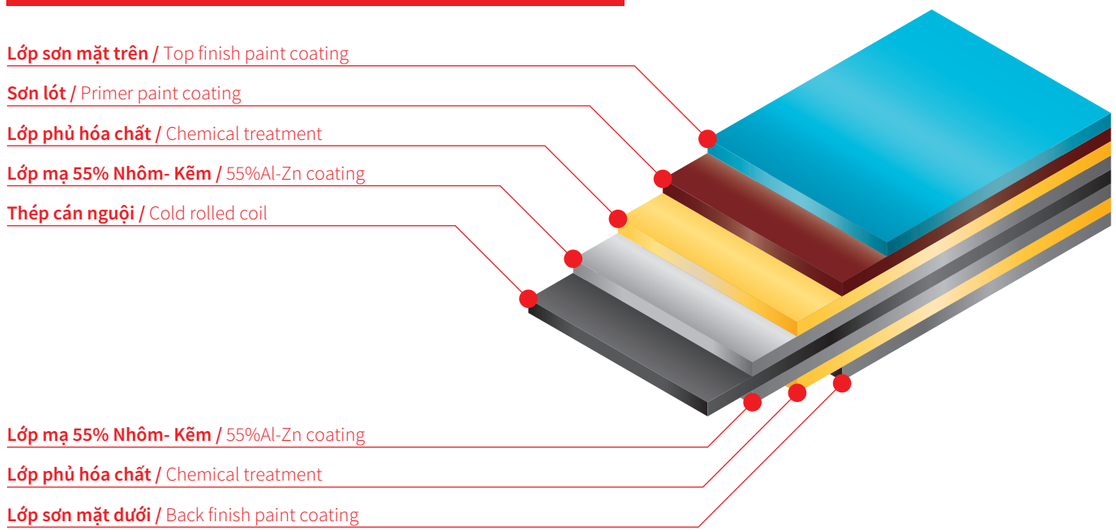

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA SUNCOLOR55
SPECIFICATION OF SUNCOLOR55

PHẠM VI SẢN XUẤT / PRODUCTION RANGE

Loại sản phẩm Product category	Độ dày thép nền Base metal thickness (mm)	Khổ rộng tiêu chuẩn Standard width (mm)	Chất liệu Grade	Ký hiệu lượng mạ Coating mass symbol	Độ dày lớp sơn danh nghĩa Nominal dry film thickness
PPGL	0.20 ~ 1.20	914, 1200, 1219	CQ, G300, G450, G550, FH	AZ50, AZ70, AZ100, AZ150	Top 18µm
					Back 5µm
SPGL	0.20 ~ 1.20	914, 1200, 1219	CQ, G300, G450, G550, FH	AZ50, AZ70, AZ100	Top 10µm
					Back 5µm

*Nếu Quý Khách hàng cần thêm thông tin khác với thông số nêu trên, vui lòng liên hệ đến phòng Kinh Doanh của chúng tôi.
*If you require any further information, please contact our Business Dept.

TÍNH CHẤT CƠ HỌC / MECHANICAL PROPERTIES

Chất liệu Grade	Giới hạn chảy Yield strength	Độ bền kéo Tensile strength	Độ giãn dài Elongation		Thí nghiệm bám dính Bending adhesion	
	(N/mm²)	(N/mm²)	(%)		PPGL	SPGL
CQ	(205 ≤)	(270 ≤)	0.20 ≤ BMT < 0.25	-	≤ 2t	≤ 3t
			0.25 ≤ BMT < 0.40	(20 ≤)		
			0.40 ≤ BMT < 0.60	(21 ≤)	≤ 3t	≤ 4t
			0.60 ≤ BMT < 1.00	24 ≤		
			1.00 ≤ BMT < 1.20	24 ≤		
G300	205 ≤	300 ≤	0.20 ≤ BMT < 0.25	-	≤ 2t	≤ 3t
			0.25 ≤ BMT < 0.40	(20 ≤)		
			0.40 ≤ BMT < 0.60	(21 ≤)	≤ 3t	≤ 4t
			0.60 ≤ BMT < 1.00	24 ≤		
			1.00 ≤ BMT < 1.20	24 ≤		
G450	335 ≤	450 ≤	0.20 ≤ BMT < 0.25	-	≤ 4t	≤ 5t
			0.25 ≤ BMT < 0.40	(14 ≤)		
			0.40 ≤ BMT < 0.60	(15 ≤)	≤ 5t	≤ 6t
			0.60 ≤ BMT < 1.00	16 ≤		
			1.00 ≤ BMT < 1.20	18 ≤		
G550	550 ≤	550 ≤	0.20 ≤ BMT < 0.40	-	(≤ 4t)	(≤ 5t)
			0.40 ≤ BMT < 1.20	-	(≤ 5t)	(≤ 6t)
FH	560 ≤	570 ≤	0.20 ≤ BMT < 0.40	-	(≤ 4t)	(≤ 5t)
			0.40 ≤ BMT < 1.20	-	(≤ 5t)	(≤ 6t)

*Giá trị trong ngoặc ( ) mang tính chất tham khảo. / *Figures in brackets ( ) for reference

THÔNG SỐ KHÁC / OTHER SPECIFICATIONS

Đặc tính chất lượng Quality properties		Phương pháp thí nghiệm Test method	Giá trị tiêu chuẩn áp dụng Reference criteria value	
			PPGL	SPGL
Tính bám dính Bending adhesion	Thí nghiệm uốn cong Bend test	JIS G 3322	JIS G 3322	JIS G 3322
Độ cứng Hardness	Thí nghiệm bút chì Pencil hardness	JIS G 3322	JIS G 3322	-
Tính chống va đập Impact resistance	Thí nghiệm va đập Impact test	JIS G 3322	JIS G 3322	-
Tính bám dính Adhesion	Thí nghiệm gạch chéo Cross cut test	JIS G 3322	JIS G 3322	-
Độ bền lớp sơn Coating durability	Thí nghiệm phun sương muối Salt spray test	JIS G 3322	JIS G 3322	-
Độ lệch màu Color differences	Thí nghiệm độ lệch màu Colorimetry test	JIS K 5600-4-5	ΔE ≤ 1.0	ΔE ≤ 1.5
Độ bóng phản chiếu Specular gloss	Thí nghiệm độ bóng Gloss test (60°)	JIS K 5600-4-7	G.U ± 10	G.U ± 10

Lưu ý : Chỉ bảo hành mặt TRÊN.
Thành phần hóa học, lượng mạ, vvv…vui lòng tham khảo SUNCOAT55.

Notes : Guarantee only for the topside.
Please refer to SUNCOAT55 for chemical composition, adhesion, etc.

JIS G3322:2019 DUNG SAI KÍCH THƯỚC / DIMENSIONAL TOLERANCES

Đơn vị / Unit : mm

Hạng mục Item		Dung sai Tolerance (w: Khổ rộng/Width)	
Độ dày danh nghĩa Nominal thickness (t: Độ dày/Thickness)		914 ≤ w < 1000	1000 ≤ w ≤ 1219
0.20 ≤ t < 0.25		+ 0.08 - 0.03	+ 0.08 - 0.03
0.25 ≤ t < 0.40		+ 0.09 - 0.04	+ 0.09 - 0.04
0.40 ≤ t < 0.60		+ 0.10 - 0.05	+ 0.10 - 0.05
0.60 ≤ t < 0.80		+ 0.11 - 0.06	+ 0.11 - 0.06
0.80 ≤ t < 1.00		+ 0.11 - 0.06	+ 0.12 - 0.07
1.00 ≤ t ≤ 1.20		+ 0.12 - 0.07	+ 0.13 - 0.08
t: dung sai về độ dày của sản phẩm phải áp dụng cho độ dày trước khi phủ sơn t: the tolerances on product thickness shall apply to the thickness of substrate for prepainting			
Khổ rộng Width		- 0, +7	
Cong biên Camber		≤ 2.0 với mọi điểm trên tổng chiều dài 2000mm ≤ 2.0 in any 2000 length	
Độ phẳng Flatness	Cong tôn Bow	≤ 12 (914 ≤ w < 1000)	
		≤ 15 (1000 ≤ w ≤ 1219)	
	Giãn biên Edge wave	≤ 8 (914 ≤ w < 1000)	
		≤ 9 (1000 ≤ w ≤ 1219)	
	Giãn giữa Center buckle	≤ 6 (914 ≤ w < 1000)	
		≤ 8 (1000 ≤ w ≤ 1219)	

TIÊU CHUẨN KHÁC TƯƠNG ĐƯƠNG SUNCOLOR55 / EQUIVALENT OTHER STANDARD OF SUNCOLOR55

SUNCOLOR55	JIS G 3322	TCVN7471	ASTM	MS 2383
CQ	CGLCC	-	Type B	G01
G300	-	G250	GR.33 [G230]	G250
G450	-	G350	GR.50 [G340] CL1	-
G550	CGLC570	G550	GR.80 [G550] CL1	G550
FH				

*Nếu Quý Khách hàng cần thêm thông tin khác với thông số nêu trên, vui lòng liên hệ đến phòng Kinh Doanh của chúng tôi.
*If you require any further information, please contact our Business Dept.

IN CHỮ CUỘN / COIL STENCIL

Ví dụ : Trường hợp SUNCOLOR55
For example : SUNCOLOR55 case

For Vietnamese

For others

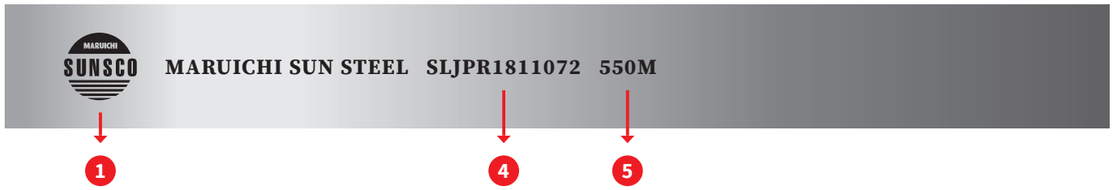

1 LOGO SUNSCO SUNSCO Logo mark	2 Tiêu chuẩn Standard	3 Lượng mạ Coating mass	4 Mã số cuộn Coil No.	5 Chiều dài cuộn Coil length

NHÃN CUỘN / COIL LABEL

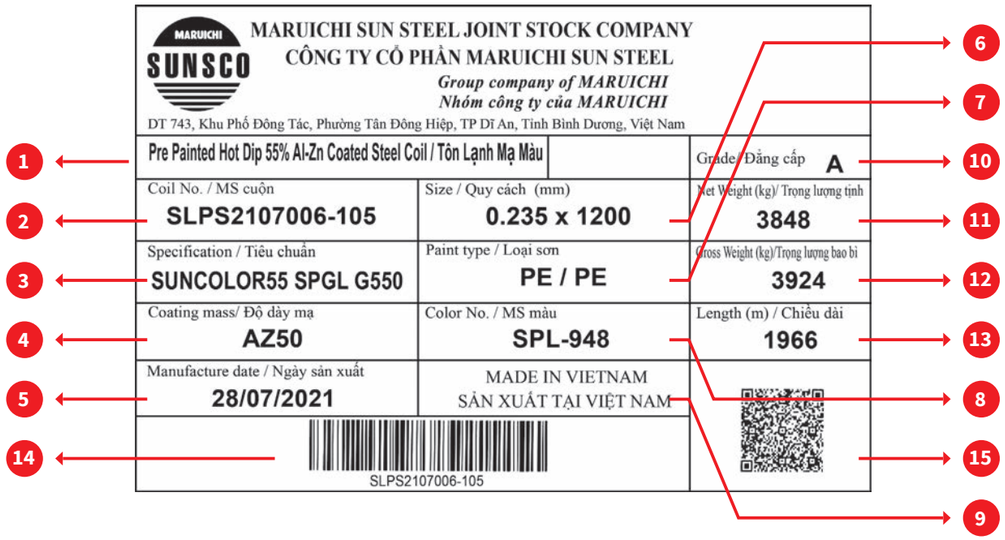

1 Tên sản phẩm Commodity	2 Mã số cuộn Coil No.	3 Tiêu chuẩn Specification	4 Lượng mạ Coating mass	5 Ngày sản xuất Manufacture date
6 Quy cách Size	7 Loại sơn Paint type	8 Mã số màu Color No.	9 Nước sản xuất Country of origin	10 Đẳng cấp Grade
11 Trọng lượng tịnh Net weight	12 Trọng lượng bao bì Gross weight	13 Chiều dài Coil length	14 Mã vạch Barcode	15 Mã QR QR code

BAO BÌ ĐÓNG GÓI / PACKAGING

Vòng ngoài của cuộn sử dụng tấm mạ hoặc tấm mạ màu chắc chắn, khó bị rỉ sét. Hai tấm bên có in thông tin công ty bằng chữ trắng trên nền đỏ. Ở phía trong sử dụng giấy chống thấm ngăn ngừa sự xâm nhập của nước.

External packaging is very solid and corrosive resistant, using plated sheet or color sheet. The two lateral plates with company information have printed in white letters on a red background. Internal packaging has waterproof paper to prevent water penetration.

SẢN PHẨM KHÁC / OTHER PRODUCT

JIS G 3322 - Giấy chứng nhận sản phẩm / JIS G 3322 - Product Certificate

Phạm vi sản xuất / Production range

Độ dày thép nền Base metal thickness (mm)	Khổ rộng tiêu chuẩn Standard width (mm)	Chất liệu Grade	Ký hiệu lượng mạ Coating mass symbol	Độ dày lớp sơn Dry film thickness
0.20 ~ 1.20	914, 1200, 1219	SGLCC SGLC570	AZ70, AZ90, AZ120, AZ150	Top : 18µm Back : 5µm

Lớp sơn / Paint coating

Độ bền lớp sơn Paint coating durability	Ký hiệu Symbol	Bảo hành lớp sơn Guarantee of paint coating
20	2	**Điều kiện được bảo hành khi sản phẩm được phủ 2 lớp sơn** Consisting of 2 coats having guarantee of paint coating
	0	**Điều kiện không được bảo hành khi sản phẩm chỉ phủ 1 lớp sơn** Consisting of 1 coats not having guarantee of paint coating

Ngoài ra, chúng tôi còn đáp ứng được các tiêu chuẩn SIRIM MS2383 (Giấy chứng nhận sản phẩm). Chi tiết cụ thể xin liên hệ đến Phòng Kinh Doanh của chúng tôi.

In addition, there is also correspondence with SIRIM MS2383 (Product certification). For more details, please contact our Business Dept.

ĐIỂM LƯU Ý KHI LỰA CHỌN NGUYÊN VẬT LIỆU
THE POINTS OF ATTENTION IN SELECTION AND USE OF MATERIALS

LỰA CHỌN NGUYÊN VẬT LIỆU
MATERIAL SELECTION

- Trong môi trường không khí có tính ăn mòn (bao gồm cả phân động vật), sự ăn mòn bất thường có thể xảy ra. Đặc biệt, chuồng trại có môi trường không khí ăn mòn cao bởi phân của các loại gia súc (môi trường kiềm như amoniac,vvv…), thêm vào đó độ ẩm luôn cao. Khuyến khích nên dùng các biện pháp tránh tiếp xúc trực tiếp với môi trường có không khí ăn mòn. Chúng tôi khuyến nghị các biện pháp như sau, tuy nhiên nên thảo luận trước với đơn vị thi công để lựa chọn ra biện pháp thích hợp nhất.

  - Sử dụng miếng lót phủ lên tấm nhôm,vvv…để tránh tiếp xúc trực tiếp với môi trường có không khí ăn mòn.

  - Hệ thống thông gió phù hợp.

- Trường hợp sử dụng làm mái nhà,vvv...hãy làm mái đủ dốc để tránh phát sinh đọng nước.

- Ứng dụng ở môi trường thường xuyên tiếp xúc với dòng chảy hoặc ngâm trong nước - lớp màng bảo vệ được tạo ra từ lớp mạ sẽ khó hình thành, vì vậy trường hợp chống ăn mòn sẽ giảm. Hãy chú ý khi sử dụng cho các trường hợp trên.

- Tránh thi công tiếp xúc với đồng - chì hoặc các loại hợp kim hay thép không gỉ. Các bộ phận tiếp xúc có thể bị đổi màu và ăn mòn do điện. Vui lòng sử dụng chất trám kín ở vị trí tiếp xúc với tôn.

- Be careful in special cases such as in high corrosive environment (including manure of animals) because the abnormal corrosion can happen. Especially inside stable, the air is highly corrosive due to manure of animals (alkalic environment with ammonia ...). Furthermore, the moisture is always high. Therefore, we specially recommend you apply countermeasures so that the product will not directly contact with corrosive air, etc. We recommend the following measures. However, first please consult the constructor and apply suitable measures.

  - Apply an undercoat of aluminum sheet or similar type so that corrosive air cannot direct contact.

  - Sufficient ventilation.

- When it is used as a roof, and so on, make the roof sloped enough to avoid water stagnation.

- In applications, for components and environment which contact with flowing water stream or in the water area, the anti-corrosion layer formed from the coated will hard to be created, so the efficiency of anti-corrosion decrease, please pay attention to those cases.

- Avoid installation contact with copper-lead, or their alloys and stainless steel. Because the contact component will change color and be corroded. Please use caulking on the contacting part.

BẢO QUẢN - VẬN CHUYỂN
STORAGE AND TRANSPORT

- Trong quá trình bảo quản – vận chuyển, vật liệu bị ướt do nước mưa, ngưng tụ sương, sẽ trở thành nguyên nhân gây ra gỉ sét trắng – làm màu vật liệu chuyển sang màu đen. Trong lúc bảo quản, không thích hợp lưu trữ tại những nơi có nhiệt độ cao, độ ẩm cao hoặc nơi có môi trường không khí mang tính ăn mòn.

- Trường hợp bảo quản vật liệu sau khi sử dụng một lần, khuyến nghị nên bao bọc lại bằng giấy đóng gói.

- Trường hợp bao bì đóng gói bị hư hỏng trong quá trình bảo quản, khuyến nghị nên sửa chữa càng sớm càng tốt.

- Trong quá trình bảo quản - vận chuyển, khuyến nghị nên thực hiện các biện pháp chống ngưng tụ sương dưới đây:
  - Bảo quản trong nhà
  - Tránh bảo quản trong môi trường không khí có độ ẩm cao

- Trường hợp phát sinh sự ngưng tụ sương, hãy mở bao bì và làm khô. Tránh gia công trong lúc ẩm ướt.

- Để tránh bị rơi ngã cuộn, hãy bảo quản ở trạng thái ổn định. Trường hợp bảo quản xếp chồng cuộn, khuyến nghị chỉ nên chất đến lớp thứ 2.

- Trường hợp bảo quản đặt cuộn lên trên gỗ lót (Sleeper) không được sấy khô kĩ, bề mặt tiếp xúc đó có thể bị ăn mòn. Vui lòng sử dụng gỗ lót khô ráo hoặc sử dụng giấy chống thấm vào bề mặt tiếp xúc. Bên cạnh đó, giấy đóng gói của công ty chúng tôi sử dụng loại chống thấm nên hãy sử dụng khi cần thiết.

- Nói chung, thép tấm có khuynh hướng thay đổi tính chất cơ học theo thời gian. Ví dụ, giảm độ giãn dài (Elongation), tăng giới hạn chảy (Yield point), vvv… Để ngăn chặn điều này, khuyến nghị nên rút ngắn thời gian lưu kho và sử dụng càng sớm càng tốt.

- Please note that during transportation and storage, if the material is wet due to rain, water condensation, etc., it causes white corrosion, then color changes into black... Therefore, in places with high temperature, high humidity, or corrosive air environment are not suitable for storage.

- In case of material storage after use one time, we recommend that material should repack with packaging paper.

- We recommend that if packaging paper is damaged during the storage of material, you should repair it as soon as possible.

- We recommend measures against water condensation phenomenon during storage and transport as follows:
  - Keep material indoor
  - Avoid storage in a humid environment

- If water condensation happens, open the package and wipe it until dry. Avoid processing material in the humid state.

- Keep material in a stable state to avoid overturning the coil. In piling up coils, we recommend only two coils for one heap.

- When putting the coil on the sleeper for storage without drying, the contact surface can corrode. Please use a dry sleeper or using waterproof paper on the contacting surface. Furthermore, because our packaging paper is waterproof, therefore, please use it when necessary.

- In general, steel sheets tend to change their mechanical properties over time. For example: reduced elongation, increased yield point etc. To prevent this, we recommend customers have storage time as short as possible and use them as soon as possible.

TẠO HÌNH - GIA CÔNG
SHAPING AND PROCESSING

- Vui lòng chú ý trong quá trình xử lý tạo hình hay vận chuyển, tránh phát sinh vết trầy xước trên bề mặt lớp mạ hay màng xử lý hóa chất.
- Trong quá trình gia công, hãy xem xét độ dày sản phẩm (độ dày thực tế) và điều chỉnh khe hở gia công thích hợp.
- Khi tạo hình cuộn, hãy chú ý trong trường hợp cuộn bị trầy xước, vết bẩn hay cài đặt trục không tốt, màng xử lý hóa chất sẽ bị bóc tách hoặc phát sinh "dấu kim loại" tại vị trí bị trầy xước trên bề mặt lớp mạ (hiện tượng bề mặt lớp mạ bị chuyển đen).

- Pay attention to shaping and transport to avoid scratches on plated surfaces and chemical treatment film.
- Consider the thickness of the product (actual thickness) and please set suitable thickness in processing.
- During shaping creation, the coil may be scratched, dirty, or due to poor installation of the coil, chemical treatment film is peeled off or metal mark occurs on scratched surfaces. Be careful in these cases.

XỬ LÝ
TREATMENT

- Khi xử lý, hãy đeo găng tay và làm một cách cẩn thận. Đặc biệt, vui lòng không làm bề mặt lớp mạ bị trầy xước.
- Chú ý trường hợp những vết bẩn như mồ hôi hay dấu vân tay còn dính lại trên bề mặt lớp mạ, sẽ có ảnh hưởng xấu đến tính chống ăn mòn và tính năng của lớp sơn.
- Hãy cẩn thận khi tháo dây đai của cuộn, mép cuộn có thể bị bung nảy lên.

- Make careful handling, such as using gloves. Especially please don't damage plated surfaces.
- If stains such as sweat or fingerprint are on the plated surface, it will negatively affect on anti-corrosion and painting of that part, so be careful.
- The coil edge can bounce back. So carefully when dismantling it.

TÁC NGHIỆP HÀN
WELDING

- Khi hàn, hãy chú ý các hạng mục dưới đây:
  - Ánh sáng hồ quang điện có hại cho mắt (ánh sáng tia tử ngoại phát sinh khi hàn)
  - Ngộ độc khói Kẽm (Khói Kẽm phát sinh khi hàn)
  - Điện giật
  - Bỏng do tiếp xúc với vật có nhiệt độ cao
  - Hỏa hoạn

- In welding, please pay attention to the following:
  - The arc light is harmful to the eyes (this light contains ultraviolet rays created during welding)
  - Poisoned with Zinc fume (Zinc fume is formed during welding process)
  - Electric shock
  - Burned due to high temperature
  - Fire disaste

THI CÔNG
PROCESSING

- Chất trám kín thuộc hệ Acetic acid - Amine có thể phá hủy bề mặt lớp mạ, nên hãy sử dụng chất trám kín loại Silicon không chứa Acetic acid.
- Tùy thuộc vào các loại phụ kiện kim loại (Bu lông, Đai ốc, Đinh, Cọc), có thể xảy ra tình trạng ăn mòn điện phân do sự tiếp xúc giữa các kim loại khác nhau. Vì vậy hãy dùng những phụ kiện đã sơn phủ màu hoặc chêm tấm lót cao su vào giữa phụ kiện và tấm tôn.
- Trong quá trình thi công, nếu có các vụn cắt phát sinh trong quá trình gia công hoặc phụ kiện kim loại như Bu lông trên tấm tôn, sẽ phát sinh rỉ sét do vật lạ bám vào. Vì vậy sau thi công, hãy vệ sinh và loại bỏ các vụn cắt đó.
- Do có trường hợp sẽ bị ăn mòn khi tiếp xúc với các chất có tính kiềm như bê tông, vữa hồ, thạch cao,vvv…Vì vậy, vui lòng không để tấm tôn tiếp xúc với các chất đó.

- Caulking agent of Acetic acid - Amine type can destroy the plated surface, so please use caulking agent of Silicon type but not acetic acid.
- Depending on the type of metal parts (Bolt, Nut, Nails, Pile), corrosion may occur due to contact between various metals, please paint parts with color or insert a rubber seal between metal parts and tole sheet.
- During processing, if material waste, bolts or other parts are left on tole sheet, the rust stain may occur, therefore, please clean and remove such things after processing finished.
- When contact with alkali substances such as concrete, mortar and gypsum the corrosion can happen, therefore, avoid contact between them and the tole sheet.

TẨY RỬA VÀ BẢO TRÌ BỀ MẶT
CLEANING AND MAINTAINING SURFACES

- Khi rửa vết bẩn trên bề mặt sau khi thi công, khuyến nghị nên lau bằng khăn khô, rửa bằng nước hoặc chất tẩy rửa trung tính,vvv… để không làm xước bề mặt. Vui lòng lau khô bề mặt để không bị đọng nước sau khi rửa.
- Trường hợp sử dụng dung môi hoặc dung môi hữu cơ, nó có thể phá hủy và làm thay đổi màu sắc của lớp màng xử lý hóa chất hoặc bề mặt lớp mạ, nên hãy cẩn thận khi sử dụng các chất đó.
- Vui lòng rửa định kỳ những bộ phận không cho nước mưa lọt qua hoặc dễ bị đọng vết bẩn (Mỗi 3 - 6 tháng).

- When cleaning dirt stains on the surface after processing, we recommend using a wipe with a dry cloth, then cleaning with water and neutral agent, etc. In order not to scratch surfaces. Please carefully wipe surfaces until dry without water stagnation after washing.
- If thinner solvent or organic solvent is used, it may destroy the chemical treatment coat or plated surface and change their color, therefore, be careful when using such solvent.
- For parts that do not allow rainwater passing through or parts with deposited dust, which are easily corroded, please make periodical washing (once for every 3 or 6 months)

MARUICHI SUN STEEL JOINT STOCK COMPANY (SUNSCO)

ADDRESS : DT743 Road, Dong Tac Quarter, Tan Dong Hiep Ward
Di An City, Binh Duong Province, Vietnam

TEL : +84 274 374 2777 **FAX** : +84 274 374 2223

TAX CODE : 3700236207 **EMAIL** : info@maruichisunsteel.com

MARUICHI SUN STEEL (HANOI) CO., LTD.

ADDRESS : Binh Xuyen Industrial Zone, Huong Canh Town,
Binh Xuyen District, Vinh Phuc Province, Vietnam

TEL : +84 211 358 2877 **FAX** : +84 211 358 2868

EMAIL : sunsteel-hanoi@maruichisunsteel.com

WEBSITE : www.maruichisunsteel.com